

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG -TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thuận

Ông Lê Ngọc Hải

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HN ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Phạm Thụy Phương B, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Nay là: Tổ 2, ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long

-Bị đơn: Ông Huỳnh Út H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Nay là: Tổ 2, ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thụy Phương B trình bày:

Bà và ông Huỳnh Út H quen biết nhau, sau đó tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và đã đăng ký kết hôn ngày 24/01/2002 tại UBND xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long nay là UBND xã Tân Lược (Quyển số 45/2001). Tài sản trong ngày cưới là một cây vàng 24k, nhưng sau đó đã bán và sử dụng hết.

Sau khi cưới, hai vợ chồng ra riêng sinh sống tại tổ 02, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long nay là tổ 2, ấp T, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời kỳ hôn nhân, không tạo lập được tài sản chung, không nợ ai và cũng không có ai nợ.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng có hai con chung là anh Huỳnh Phạm Thanh D, sinh ngày 24/02/1998; cháu Huỳnh Phạm Thanh T, sinh ngày 21/5/2013. Hiện cả hai con đang sống cùng bà Phạm Thụy Phương B.

Trong quá trình chung sống thường nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cãi vã, đời sống kinh tế khó khăn. Dù đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo và hàn gắn nhưng không thành, tình cảm ngày càng rạn nứt và dần mai một, không thể hòa hợp.

Từ tháng 01/2017, ông Huỳnh Út H đã bỏ gia đình đi biệt tích, không có tin tức. Bà đã yêu cầu TAND huyện Bình Tân (cũ) tuyên bố ông mất tích đối với ông Huỳnh Út H theo quyết định số 06/2024/QĐ-TA ngày 20/12/2024. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Huỳnh Út H và yêu cầu được giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn thân: Yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Út H.

Về con chung: Anh Huỳnh Phạm Thanh D; Sinh ngày 24/02/1998 đã thành niên nên bà Bình không yêu cầu giải quyết; bà có nguyện vọng được nuôi bé Huỳnh Phạm Thanh T; Sinh ngày 21/5/2013, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Bà B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thụy Phương B có đơn xin giải quyết vắng mặt phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với ông Huỳnh Út H đã bỏ đi và đã có quyết định tuyên bố mất tích, nên Tòa án Nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long không thể triệu tập lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp “Xin ly hôn với người mất tích” giữa nguyên đơn bà Phạm Thụy Phương B và bị đơn ông Huỳnh Út H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long. Do ông Huỳnh Út H đã bị Tòa án nhân dân huyện B tuyên bố mất tích. Tại phiên tòa hôm nay ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và không có lý do bất khả kháng khác nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thụy Phương B và ông Huỳnh Út H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn.

Từ tháng 01/2017, ông Huỳnh Út H đã bỏ gia đình đi biệt tích, không có tin tức. Bà đã yêu cầu TAND huyện B (cũ) tuyên bố ông mất tích đối với ông Huỳnh Út H theo quyết định số 06/2024/QĐ-TA ngày 20/12/2024. Như vậy, cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông H đã tự chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thụy Phương B về việc xin ly hôn với

ông Huỳnh Út H là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 2; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Đối với anh Huỳnh Phạm Thanh D, sinh ngày 24/02/1998 đã thành niên, nên bà B không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu nuôi dưỡng cháu Huỳnh Phạm Thanh T; Sinh ngày 21/5/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ tháng 01/2017 ông H đã bỏ đi, bà B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T nên cần tiếp tục giao cháu T cho bà B nuôi dưỡng, ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thụy Phương B phải chịu theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ tại khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 2 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21 và Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thụy Phương B được ly hôn với ông Huỳnh Út H.

2. Về con chung: Huỳnh Phạm Thanh D, sinh ngày 24/02/1998 đã trưởng thành, giao cháu Huỳnh Phạm Thanh T, sinh ngày 21/5/2013 cho bà Phạm Thụy Phương B nuôi dưỡng, ông Huỳnh Út H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thụy Phương B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0000359 ngày 09/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Vĩnh Long), bà B không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS KV3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Dương

